

CÔNG ĐỒNG VATICAN II:

LÍ DO KHAI MỞ VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH

LÊ THỊ THANH HUƠNG*

Để nhận thức đầy đủ vấn đề của Công giáo La Mã hiện nay không thể bỏ qua việc khẳng định lại những giá trị lịch sử của Công đồng Vatican II.

Thất bại trong Chiến tranh Thế giới II, các đế quốc tư bản, không loại trừ nước Mỹ, đứng trước nguy cơ khủng hoảng lớn về mọi mặt. Để tranh giành ảnh hưởng với Hồng quân Liên Xô, vào cuối cuộc chiến, Mỹ đem hai quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản gây thảm họa làm chấn động thế giới. Địa vị siêu cường của Mỹ càng nổi lên khi trở thành chủ nợ của các nước Châu Âu. Giới chính khách dần hiểu ra: Trung tâm kinh tế - chính trị thế giới đã chuyển sang Mỹ. Những quân cờ trên bàn cờ chính trị quốc tế dịch chuyển theo những đòn thế của tay quán quân mới.

Nước Mỹ hợp chủng được hình thành đầu tiên do những người dân ở các châu lục, trước hết là Châu Âu, bị mẫu quốc ruồng bỏ, bị Nhà Thờ phật vạ, tha hương tìm mưu sinh tận nơi tân thế giới. Đoạn tuyệt với chế độ nô lệ thuộc địa là mục tiêu tối cao của cách mạng Mỹ. *Tuyên ngôn độc lập năm 1776, Hiến pháp Mỹ năm 1787* chỉ nói đến quyền bình đẳng cá nhân, quyền dân chủ tự trị của các bang. Những vấn đề cụ thể về nhân quyền, như

quyền tự do tôn giáo, quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, tín ngưỡng, v.v... được đưa dần vào luật. Chính quyền Mỹ tuyên bố quan điểm không lập ra một tôn giáo nào hoặc cấm bất kì một tôn giáo nào thực hành việc thờ tự. Nhưng thực tế, ở nước Mỹ, sinh hoạt tôn giáo của mỗi người dân gần như một chuẩn mực đạo đức cá nhân của họ. Tự do tôn giáo Mỹ không mang ý nghĩa có quyền tự do không tín ngưỡng. Luật pháp nước Mỹ quy định, khi tổng thống Mỹ nhậm chức, hay công dân Mỹ khi đứng trước tòa án, dù có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, phải tuyên thệ lòng trung thành, sự chân thật của mình với bàn tay trái đặt trên quyển *Kinh Thánh*⁽¹⁾.

Bước vào giai đoạn lịch sử hiện đại, những người lãnh đạo nước Mỹ nhận định cần sắp xếp một thế trận mới. Trong hai đối thủ là hệ thống XHCN Liên Xô đứng đầu vừa hình thành và liên minh tư bản chủ nghĩa ở Châu Âu, Mỹ chọn Tây

*. ThS., Đại học KHXH & NV Thành phố Hồ Chí Minh.
1. Cũng nói thêm rằng, mặc dù các đoàn di dân Châu Âu đã mang đạo Công giáo La Mã đến Mỹ, nhưng Tân giáo - Tin Lành mới chính là tín ngưỡng của các đời Tổng thống Mỹ (ngoại trừ với J. F. Kennedy, 1917 - 1963, vị tổng thống thứ 35 giai đoạn 1961 - 1963 theo Công giáo La Mã). Tuy vậy, trước Chiến tranh Thế giới II, nói chung Mỹ chưa phát huy được Tin Lành trên những địa bàn truyền giáo của Tòa Thánh La Mã cũ (Á, Phi, Mỹ Latinh).

Âu Công giáo làm đồng minh để loại trừ cộng sản vô thần. Mỹ "tự tuyên nguyện" nhận vai trò dẫn đầu phát động chiến lược toàn cầu ngăn chặn sự lan tỏa của chủ nghĩa cộng sản. Mỹ cùng quân Anh, Pháp, Tây Đức và đạo quân chư hầu gây xung đột khắp nơi, nhưng chiến trường lớn này không ở Châu Âu mà diễn ra tại các nước nghèo khó, chậm phát triển, xếp hàng thứ ba trong trật tự mới. Trong suốt nửa sau thế kỉ XX, các cuộc "chiến tranh cục bộ" đã làm nên bao cảnh nóng bỏng, đổ vỡ, gây nhiều đau thương cho nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ Latinh. Thực chất, có thể ví đây là cuộc Chiến tranh Thế giới III của các đế quốc nhằm "sửa chữa" những kết quả phân chia ngoài ý muốn sau Chiến tranh Thế giới II.

Trong khi thực hiện mưu đồ chiến lược, nước Mỹ thực thi chính sách thực dân kiểu mới đi đôi với chính sách tôn giáo. Hướng sang Châu Âu và tiếp cận Toà Thánh Vatican, một mặt, Mỹ tìm cách chống phá hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa vừa hình thành, mặt khác, học kinh nghiệm cũ, khai thác tiềm năng đội quân thừa sai, tín đồ khắp thế giới. Chúng ta nhận ra sự gặp gỡ đầu tiên của Toà Thánh với Mỹ qua *Thông điệp Humani Generis*, do Giáo hoàng Pius XII ban hành năm 1950, lên án "chủ nghĩa cộng sản vô thần đồi bại" và *Sắc lệnh Mirari Vos* khẳng định trách nhiệm của giáo sĩ, giáo dân là phải chống cộng, cấm triệt để mọi tham gia hoạt động liên quan đến Đảng Cộng sản hoặc các phong trào chịu ảnh hưởng của Cộng sản.

Những năm 1950 - 1960, Mỹ đã sử dụng khá thành công chiêu bài chống cộng, và quan điểm "không làm chính trị"

của Giáo hội Công giáo La Mã đã làm nên cho những đội chiến hạm, những đoàn quân viễn chinh tới các nước Á - Phi - Mỹ Latinh. Đó là chiến tranh Triều Tiên, phong toả Cuba, lũng đoạn chính trị ở các nước Mỹ Latinh, đẩy mạnh cuộc chiến giành quyền kiểm soát ba nước Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, chiếm giữ vị trí chiến lược trọng yếu, những nguồn tài nguyên, thị trường kinh tế rộng lớn ở nhiều khu vực trên thế giới. Tất cả những hành động xâm lược đó đều được che giấu dưới danh nghĩa đấu tranh ý thức hệ mà chủ yếu là đấu tranh chống ý thức hệ "vô thần của chủ nghĩa cộng sản".

Những cuộc chiến tranh và chạy đua vũ trang dưới sự thao túng của Mỹ và các cường quốc Anh, Pháp, Tây Đức làm kinh tế - xã hội của CNTB thêm khủng hoảng trầm trọng. Trong lĩnh vực tư tưởng, sự khủng hoảng mất phương hướng của mọi tầng lớp, nhất là giới trí thức, thanh niên, tầng lớp trung lưu là nguyên nhân trực tiếp làm xuất hiện hàng loạt trào lưu tư tưởng mới thoát thai từ triết học tư sản thế kỉ XIX như chủ nghĩa thực chứng, thuyết hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh, v.v...

Các nhà hiện sinh lấy con người làm trung tâm, xoay quanh vấn đề thân phận con người, vấn đề cái tôi, hiện hữu và bản thể, "hữu thể và hư vô"... Cái tôi ý thức sự tồn tại của vũ trụ và nhờ ý thức mà hiện hữu, tự do chọn lựa để rời lạc lõng, tha hóa ngay trong tự do hiện hữu đó, hố hoảng đặt câu hỏi "Tôi phải làm thế nào mới được cứu?", "Phải như thế nào mới vào được nước Trời?". Trước họ, thế giới tồn tại hỗn mang tự nó, không theo quy

luật nào, đây những sự kiện ngẫu nhiên, phi lí, không thể giải thích được. Hiện sinh chủ nghĩa đem cái phi lí để phê phán cái duy lí của xã hội. Những nhà hiện sinh Kitô giáo cố gắng xây dựng một chủ nghĩa hiện sinh "chân chính" bằng cách gán ghép vào chủ nghĩa Thoma, tích hợp thực thể tồn tại hữu hạn của con người với bản tính tự hữu siêu nhiên của Chúa...

Trên nền những quan điểm triết học như vậy, sinh hoạt tinh thần, những giá trị đạo đức truyền thống Châu Âu "suy đồi", lan sang Châu Mỹ và các thuộc địa. Người ta nhân danh những điều cao cả thiêng liêng nhất để giết người. Những người có lương tri ngỡ ngàng trước thế giới đầy rẫy những dối trá, đạo đức giả "khi nó ca tụng sự thành công của một nhà phẫu thuật ghép tim, rồi lại chịu để cho hàng nghìn con người tươi trẻ khỏe mạnh với trái tim rất tốt đi vào chỗ chết như những con bò vào lò mổ, vì một lá cờ"⁽²⁾.

Thế nhưng, thắng lợi của các phong trào cách mạng dân tộc dân chủ, xu hướng tư tưởng tiến bộ của nhân loại vẫn là tất yếu. Đặc biệt, sự ra đời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1/10/1949) với diện tích 1/4 Châu Á và cũng gần 1/4 dân số thế giới; chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam (1954) đánh tan xâm lược Pháp câu kết với đế quốc Mỹ; thành công của cách mạng Cuba (1/1/1959), đảo quốc nhỏ bé nằm cạnh nước Mỹ, và trên tất cả, sự tiến bộ của hệ thống xã hội chủ nghĩa Liên Xô - Đông Âu những năm 1960 - 1963 làm cho chủ nghĩa đế quốc phải thay đổi tư duy chiến lược. Năm 1960, Liên Hiệp Quốc thông qua "Tuyên ngôn

về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa". Năm 1963, Liên Hiệp Quốc lại thông qua "Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc". Hai văn kiện này thừa nhận sự tồn tại những vi phạm các chuẩn mực đạo đức, văn minh xã hội của chủ nghĩa thực dân, trong khi chúng tự cho mình là tiến bộ, gương cao ngạo cỡ "tự do, bình đẳng, bác ái", "đi khai hóa các dân tộc hạ đẳng".

Trong bối cảnh thế giới đó, Tòa Thánh Vatican mở Công đồng lần thứ 21, tức Công đồng Vatican II để nhìn nhận lại mọi vấn đề.

Công đồng Vatican II (1962 - 1965) chính là bước ngoặt tiến bộ trong lịch sử Giáo hội khi kể từ khi hình thành với 20 công đồng trước đó. Các chức sắc trong Giáo hội thường kể với nhau sự ví von của người chủ xưởng Công đồng Vatican II, Giáo hoàng Gioannes XXIII (1958 - 1963), rằng lúc ấy mùa Đông, trong căn phòng kính, tuy ấm nhưng ngột ngột bởi lâu ngày bầu không khí không thông lưu, một vị hồng y hỏi vì sao Đức Thánh Cha triệu tập công đồng? Ngài đứng dậy mở cánh cửa sổ, luồng khí lạnh trong sạch tràn vào. Ngài nói: "Đấy thấy chưa? ngột quá rồi mà..." Người ta không biết trong câu chuyện đó có mấy phần trăm sự thật, nhưng ai cũng thấy, Giáo hội phải canh tân, phải đổi thay như khẩu hiệu mà Giáo hoàng Gioannes XXIII nêu ra.

Gioannes XXIII là vị Giáo hoàng đã mở con đường chấn hưng cho Giáo hội La

2. Orianna Fallaci (Lê Minh Đức dịch). *Cuộc sống, chiến tranh và rồi...* Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1991, tr. 21.

Mã. Trước đó, ông đã thăm dò dư luận với hàng loạt thông điệp, được chú ý hơn cả là *Thông điệp Mẹ và Thầy* (1961) và *Thông điệp Hòa bình trên thế giới* (1963) nói về cách nhìn nhận của Giáo hội với các vấn đề xã hội, về quyền tự do và những nghĩa vụ của con người. Giáo hoàng La Mã nhận ra những đặc điểm của xã hội: sự gia tăng vị trí của tầng lớp lao động, sự gia nhập các sinh hoạt xã hội của giới nữ, và sự phục hồi của các dân tộc thuộc địa giành độc lập tự chủ, bao gồm độc lập tự chủ về đời sống tín ngưỡng tôn giáo truyền thống. Khai mở Công đồng Vatican II, Giáo hoàng phát biểu mong muốn tìm kiếm sự đối thoại hòa bình thay cho bạo lực để xử lý những quan hệ giữa các cộng đồng dân tộc, cộng đồng tôn giáo hầu cứu vãn tình thế căng thẳng đe dọa sự nối kết ngày càng trở nên mong manh của các mối liên hệ: đạo và đời, giáo sĩ và giáo dân; Tòa Thánh với tư cách Giáo hội hoàn vũ và Giáo hội địa phương, Giáo hội xứ truyền giáo và Giáo hội Đông phương. Giáo hoàng Gioannes XXIII nhận thức và nhấn mạnh vấn đề có tính nguyên tắc là tiến bộ xã hội phải song hành và theo kịp những phát triển kinh tế, làm sao mọi thành phần xã hội, chứ không chỉ riêng số ít người được ưu đãi, đều dự phần vào những sản lượng dồi dào để con người được thăng tiến toàn diện.

Có thể thấy, tầm chiến lược của Giáo hoàng Gioannes XXIII là Giáo hội phải nhanh chóng rời bỏ con tàu quyền thế trần gian đang nghiêng ngả, bước vào con tàu Noah⁽³⁾ đã được Chúa Trời ban cho để cứu vớt con cái trung thành của Người thoát qua cơn đại hồng thủy. Nói cách khác, Giáo hội phải giành lấy tiếng nói cuối cùng thẩm định chân lý trong thế

giới đã phân cực và cán cân đang nghiêng về phía đối nghịch. Giáo hội không thể cứ đứng ngoài phản bác để rồi bị loại trừ. Giáo hội phải có mặt trong các chế độ xã hội và từ bên trong phải gieo ảnh hưởng vào các cơ cấu đó. Giáo hoàng Joannes XXIII đã đi bước đầu tiên hòa giải, kêu gọi đại kết với các hệ phái Kitô li khai; đặc biệt, chấp nhận đối thoại với những học thuyết vô thần, thừa nhận sự tồn tại các cộng đồng chính trị; các cộng đồng chính trị có nền kinh tế dồi dào hơn, hãy giúp đỡ các cộng đồng khác đang trong giai đoạn phát triển, giải quyết các tranh chấp, va chạm không phải bằng gian trá, xảo quyệt, nhưng vì liên hệ đến con người, nên phải giải quyết trong sự hiểu biết nhau qua các giá trị khách quan và sự thông cảm⁽⁴⁾.

Tiếp tục vị tiền nhiệm, Giáo hoàng Paulus VI (1963 - 1978), chủ trì các khóa họp sau của Công đồng, đấu tranh để tinh thần canh tân được thể hiện. Ngoài những giá trị đáng được ghi nhận nói trên, giá trị lịch sử của Công đồng thứ 21 của Giáo hội còn được thể hiện trước hết ở hai văn kiện chính yếu trong số 16 văn kiện được Công đồng thông qua⁽⁵⁾:

1/ *Ánh sáng muôn dân* là Hiến chế về tín lý, mang tinh thần đổi mới Giáo hội để thực thi sứ mệnh được giao. Trong trật tự Chúa sắp đặt, phẩm trật của Giáo hội được xác định lại, chức giám mục là một bí tích, các giám mục có vai trò kế nghiệp

3. Người được Chúa chọn cứu sống sau Hồng thủy, theo chương *Khởi nguyên* của *Kinh Thánh Cựu ước*. Noah: tiếng Hebrew - Do Thái cổ, có nghĩa là "Cái còn lại". Người ta quen gọi là *Con tàu Nô-ê*.

4. Xem: *Công đồng Vatican II*. Nxb Senatus. Sài Gòn 1969.

5. Gồm: 4 hiến chế, 9 sắc lệnh, 3 tuyên ngôn.

mười hai tông đồ Chúa chọn, quyền giáo hoàng được quân bình hơn trong mối quan hệ tương thông với Giám mục đoàn.

Ý nghĩa “Ánh sáng muôn dân” bộc lộ rõ quan điểm canh tân hướng tới nền *thần học giáo dân*. Giáo hội không còn dành cho các giáo sĩ đặc quyền rao giảng Tin mừng mà công nhận vai trò giáo dân chia sẻ thiên chức tiên tri của Chúa Giêsu bởi cùng được Thánh Linh (Thánh Thần) điểm hóa. Mỗi giáo dân có trách nhiệm hợp tác trong việc truyền bá và tăng trưởng mạnh mẽ Giáo hội qua đời sống bình thường, đặc biệt trong cuộc sống hôn nhân, gia đình, làm nhân chứng cho đức tin mà Chúa ban cho họ. Giáo dân phải cố gắng nhận lãnh cách hoàn hảo chân lí, phải mạc khải và siêng năng cầu nguyện để xin ơn khôn ngoan. Mỗi tín hữu đều có khả năng trở thành một ngôn sứ của Chúa, tham dự vào chức tư tế. Tiến bộ ở đây trước hết là trả lại cho tín đồ hai chữ *Dân Chúa* thay cho việc hoàn toàn chỉ là *đàn chiên* suốt từ 20 công đồng trước, đặc biệt với hai công đồng được coi là chuẩn mực truyền thống là Công đồng Trento (1545 - 1563) và Công đồng Vatican I (1869 - 1870).

2/ *Vui mừng và hi vọng* là Hiến chế về mục vụ, trong đó Giáo hội giới thiệu mình với một gương mặt mới trong thế giới mới. Đó là một Giáo hội không chỉ chú ý đến đời sống tâm linh mà hướng ra bên ngoài, quan tâm toàn diện hơn đến đời sống con người, xem xét các vấn đề trực tiếp tác động tới niềm hạnh phúc hay nỗi bất hạnh của con người như chiến tranh và hoà bình, công bằng và bất công; các vấn đề tạo nên niềm vui và nỗi lo lắng của con người, làm con người hi vọng hay sợ hãi

như sự tiến bộ, văn hoá, gia đình, sinh sản, v.v...

Văn kiện này phân tích về con người trong ơn gọi và thân phận làm người, ý nghĩa của hành động và lịch sử của con người, vai trò của Giáo hội đối với con người, với lịch sử xã hội. Chính tội lỗi của tổ tiên không chịu nhận biết Chúa đã đẩy con người vào ma lực của Satan, làm con người luôn vật vờ, ưu tư về cái chết, về sự mất đi của vật chất hữu hình. Chúa Giêsu đến làm sứ mệnh thức tỉnh con người, lập Hội Thánh quy tụ họ. Trên đường về lại Nước Trời, Giáo hội muốn chia sẻ cho nhân loại ánh sáng Tin Mừng. Giáo hội đến để phục vụ chứ không phải để lên án. Giáo hội hoạt động để thông đạt sự sống đời đời, làm cho Nước Trời mau đến. Vậy nên, Giáo hội cần phải đối thoại với thế giới. Giáo hội phải tự mình chứng tỏ là con tàu cứu độ, ai tin sẽ được cứu rỗi. Hiến chế trình bày thái độ mới của Giáo hội đối với vấn đề quyền bính thế gian, từ bỏ các tuyên bố thần quyền ở trên thế quyền, công nhận phẩm giá con người, những nỗ lực của con người trong quá trình cải tạo thế giới, coi đó là hoạt động tự do, kết hợp bản tính con người với bản tính Thiên Chúa, không phải phạm tội kiêu ngạo mà “phù hợp với ý định của Thiên Chúa, vì Thiên Chúa đã muốn con người tiếp tục công trình tạo dựng của Người mà làm chủ mặt đất và cai quản vũ trụ”. Giáo hội không nên chỉ nhấn mạnh “cuộc sống đời sau” mà cả cuộc sống “ngay từ bây giờ và ở đây”.

Cùng với các hiến chế có tính chất xác tín giáo lí, Sắc lệnh có tính cách quy định thực tế mục vụ, 3 tuyên ngôn – về quyền tự do tôn giáo, về mối liên lạc của Giáo

hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo, về giáo dục Kitô giáo và thừa nhận những nền văn hoá ngoài Kitô giáo cùng tồn tại, đã thể hiện một nhãn quan mới của Giáo triều, khẳng định lập trường Giáo hội là phục vụ mọi người, bất cứ dưới chính thể nào, nhằm làm cho Giáo hội được đón nhận, từ đó xuất hiện những khái niệm “men trong bột”, “muối cho đời”, một cách khiêm tốn giữa đời thường. Đối với Giáo hoàng Paulus VI, khái niệm phúc âm hoá là chia sẻ tin mừng, không phải áp đặt.

Sau Công đồng, *Thông điệp phát triển các dân tộc (1967)*, kêu gọi nước giàu giúp đỡ nước nghèo, đối thoại với nhau, Giáo hoàng Paulus VI tiếp tục quảng bá quan điểm cổ vũ một nền nhân bản hoàn hảo theo định luật rằng, Thiên Chúa đã tạo dựng trái đất và mọi vật trên đó là để mọi người và mọi dân tộc sử dụng, vì thế của cải trần gian phải tràn đầy đồng đều cho mọi người, theo luật công bằng, là một luật đi liền với luật bác ái. Định luật này quy định con người sử dụng trí tuệ Chúa ban cho mà hoàn thành công cuộc tạo dựng vũ trụ của Ngài và cũng để ghi dấu thiêng liêng của mình trên trái đất. Những vấn đề vai trò gia đình, trách nhiệm sinh sản đều phải hướng về Thiên Chúa trong đức tin và lương tâm.

Bên cạnh đó, hàng loạt cải tổ như: cho phép dịch *Kinh Thánh* và hành lễ bằng ngôn ngữ dân tộc địa phương; cho phép hôn phối dị giáo (hôn nhân giữa các tín đồ khác đạo); cho phép tín đồ thực hiện các lễ nghi dân tộc, chẳng hạn lễ nghi Trung Hoa (tục thờ cúng tổ tiên, các bậc tiên hiền của nhân dân Á Đông gốc Khổng Nho); việc thiết lập thể chế Thượng Hội đồng Giám mục, đề cao trách nhiệm Giáo

hội địa phương, vai trò chủ động của giáo dân, kể cả việc thay đổi nghi thức khi dâng lễ tế, linh mục và bàn thờ quay lại đối diện với giáo dân là những hệ quả tích cực. Giáo hoàng cũng chính thức tổ chức lại Thánh Bộ (Toà Truy tà đổi tên là Bộ Giáo lý Đức tin), mong muốn vết đen lịch sử về nó sớm được lãng quên.

Công đồng Vatican II được chào đón hoan nghênh. Người ta nhận thấy, với tinh thần Công đồng Vatican II, Giáo hội hướng trở về nguồn cội ban đầu, là Giáo hội của những người nghèo khổ bị áp bức bất công, Giáo hội của tình liên đới. Nói khác đi, Công đồng Vatican II đặt cho Giáo hội nhiệm vụ: nhìn lại chính mình, giữ bỏ bụi bặm, rêu phong giáo điều và cơ chế, đổi mới hiệp nhất cùng anh em trong một tín ngưỡng và sau hết, đối thoại với toàn nhân loại. Canh tân đã kéo Giáo hội xuống dưới trần thế, để Giáo hội sống trong nhân quần theo một ý nghĩa khác, trân trọng hơn những giá trị đời thường với cách định giá mới, ngoài hiệu quả canh tân về ý thức hệ tôn giáo, tổ chức giáo hội, Công đồng Vatican II đã đứng về phía lực lượng tiến bộ, thế giới thứ ba, không còn đồng tình với chủ nghĩa đế quốc trong chiến lược bá chủ toàn cầu. Tuy công đồng Vatican II còn nhiều hạn chế, sự đổi mới không thể triệt để khi một bộ phận giáo triều chưa đoạn tuyệt với những tư duy bảo thủ, thành kiến của Công đồng Vatican I⁽⁶⁾, nhưng cũng đủ cho giáo hữu tìm lại lòng tin vào những thiên hướng tốt đẹp./.

6. Công khai chống đối Công đồng là tổ chức Huynh đoàn Thánh Pio X, đứng đầu là Giám mục Marcel Lefebvre, người Pháp. Ông bị phạt tuyệt thông năm 1988 khi tự ý phong giám mục cho 4 linh mục không có phép của Toà Thánh.